

QUY CHẾ

Nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG ngày 02 tháng 5 năm 2019
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định các hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên (bao gồm cả giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng); tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học.

2. Quy chế này áp dụng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu đề án, đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp tỉnh, cấp cơ sở (cấp trường), cấp khoa;

2. Nghiên cứu biên soạn chương trình, tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng của trường, địa phương;

3. Nghiên cứu, biên soạn tập bài giảng tình hình, nhiệm vụ của địa phương;

4. Nghiên cứu, biên soạn lịch sử trường, lịch sử đảng bộ địa phương, lịch sử ngành;

5. Tham gia hội thảo khoa học cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, tọa đàm, sinh hoạt khoa học của khoa;

6. Tham gia nghiệm thu đề án, đề tài, tài liệu giảng dạy, học tập;

7. Nghiên cứu viết bài công bố trên báo, bản tin, kỷ yếu khoa học, tạp chí in và điện tử, trang thông tin điện tử của trường, địa phương, trung ương, quốc tế;

8. Khảo sát thực tế theo kế hoạch phục vụ giảng dạy, học tập, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu đề án, đề tài khoa học;

9. Nghiên cứu viết sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập.

Điều 3. Trách nhiệm nghiên cứu khoa học

1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên có trách nhiệm nghiên cứu khoa học.

2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, tài liệu, phương tiện, các thông tin cần thiết và chế độ khác theo quy định của Nhà nước,

của trường cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học là một trong những căn cứ đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên hằng năm.

Chương II

ĐỊNH MỨC VÀ QUY ĐỔI KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học

1. Giờ chuẩn nghiên cứu khoa học là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với mỗi chức danh tương đương với một công trình nghiên cứu khoa học.

2. Khung định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với giảng viên

a) Giảng viên:

- Giảng viên tập sự: 80 giờ chuẩn.

- Giảng viên: 270 giờ chuẩn.

b) Giảng viên chính: 290 giờ chuẩn.

c) Giảng viên cao cấp: 310 giờ chuẩn.

3. Giảng viên không đủ định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học mà giảng dạy vượt định mức thì được lấy số giờ giảng dạy vượt định mức bù cho số giờ chuẩn nghiên cứu khoa học để tính hoàn thành định mức giờ chuẩn và tính thành tích thi đua.

Điều 5. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học của giảng viên kiêm nhiệm

1. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác có nghĩa vụ thực hiện định mức giờ chuẩn như sau:

Chức danh	Định mức
Hiệu trưởng	20% - 25%
Phó Hiệu trưởng	30% - 35%
Trưởng phòng	35% - 40%
Phó Trưởng phòng	40% - 45%
Trưởng khoa	70% - 75%
Phó Trưởng khoa	75% - 80%
Bí thư đảng uỷ, Chủ tịch Công đoàn	70% - 75%
Phó Bí thư đảng uỷ, Phó Chủ tịch Công đoàn	75% - 80%
Trưởng Ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn trường, Tổ trưởng Thanh tra đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng Ban thanh tra nhân dân	80% - 85%
Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ trường, Phó Bí thư Đoàn trường	85% - 90%

2. Giảng viên nếu giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm nhiều công tác thì chỉ thực hiện một định mức giờ chuẩn thấp nhất.

3. Giảng viên được điều về công tác tại các phòng chức năng của nhà trường mà không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác thì định mức nghiên cứu khoa học là 40% định mức giờ chuẩn của ngạch giảng viên đang giữ.

Điều 6. Quy đổi kết quả nghiên cứu khoa học

1. Các công trình được quy đổi như sau:

TT	Tên công việc	Quy đổi
1.	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước	300 giờ chuẩn/12 tháng
2.	Chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, tỉnh	250 giờ chuẩn/12 tháng
3.	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	200 giờ chuẩn/12 tháng
4.	Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa	100 giờ chuẩn/12 tháng
5.	Thành viên tham gia các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp	- Thư ký đề tài = 30% mức giờ của Chủ nhiệm. - 70% mức giờ của Chủ nhiệm cùng cấp chia đều cho các thành viên tham gia, theo đăng ký tham gia trong đề tài
6.	Biên soạn giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo, sách tham khảo, được nghiệm thu và xuất bản, đưa vào sử dụng trong nhà trường	300 giờ chuẩn/01 công trình. Chủ biên tính 2/5 giờ chuẩn (nếu có đồng chủ biên thì chia đều), đồng tác giả kể cả chủ biên chia theo giá trị đóng góp 3/5 còn lại.
7.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có mã số ISI hoặc Scopus	200 giờ chuẩn/01 bài
8.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN, kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính 1,0 điểm. Nếu đăng trên tạp chí điện tử thì được tính 50% giờ chuẩn/01 bài	100 giờ chuẩn/01 bài
9.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính dưới 1,0 điểm. Nếu đăng trên tạp chí điện tử thì được tính 50% giờ chuẩn/01 bài	90 giờ chuẩn/01 bài

TT	Tên công việc	Quy đổi
10.	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học có mã số ISSN nhưng không được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm; Bản tin Thông tin công tác trường chính trị	60 giờ chuẩn/01 bài
11.	Bài báo khoa học công bố trên báo địa phương hoặc bản tin của trường	40 giờ chuẩn/01 bài
12.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế	150 giờ chuẩn/01 bài
13.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp bộ/tỉnh	60 giờ chuẩn/01 bài
14.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp cơ sở	40 giờ chuẩn/01 bài
15.	Bài công bố trên kỷ yếu hội thảo, tọa đàm khoa học cấp khoa	20 giờ chuẩn/01 bài
16.	Báo cáo kết quả điều tra, kết quả nghiên cứu thực tế phục vụ giảng dạy, học tập, đề án khoa học, nghiên cứu đề tài được Hội đồng khoa học thẩm định và sử dụng trong nhà trường	50 giờ chuẩn/01 bài
17.	Bài nghiên cứu biên soạn lịch sử nhà trường, địa phương đã được nghiệm thu	60 giờ chuẩn/01 bài
18.	Sáng kiến - kinh nghiệm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, học tập được Hội đồng khoa học thẩm định và sử dụng trong nhà trường	70 giờ chuẩn/01 bài
19.	Bài viết nghiên cứu khoa học đăng trên trang thông tin điện tử trung ương	50 giờ chuẩn/01 bài
20.	Bài viết nghiên cứu khoa học đăng trên trang thông tin điện tử địa phương, trường	40 giờ chuẩn/01 bài

2. Đề tài được triển khai đúng tiến độ và nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên, giờ chuẩn được tính cho số tháng thực tế thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong năm. Nếu một công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học khác nhau, được trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học khác nhau, v.v.. thì chỉ được tính một lần theo chuẩn cao nhất (không cộng dồn).

Chương III **HỘI ĐỒNG KHOA HỌC**

Điều 7. Thành lập Hội đồng

1. Hội đồng khoa học là tổ chức tư vấn khoa học của nhà trường, có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng về hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động có liên quan.

2. Hội đồng khoa học do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Số thành viên của Hội đồng không quá 09 người.

Điều 8. Thành phần của Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng là hiệu trưởng.
2. Phó chủ tịch Hội đồng là các phó hiệu trưởng.
3. Thư ký, ủy viên thường trực của Hội đồng là 01 lãnh đạo phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học.

4. Ủy viên Hội đồng gồm: đại diện lãnh đạo các khoa, một số cán bộ nghiên cứu, giảng viên (kể cả giảng viên thỉnh giảng) có khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học được hiệu trưởng chỉ định.

Điều 9. Nhiệm vụ của Hội đồng

1. Tư vấn phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, quy trình tổ chức hoạt động khoa học và các hoạt động khác có liên quan của nhà trường.
2. Đánh giá, thẩm định kế hoạch, thuyết minh, kết quả của đề án, đề tài, công trình khoa học, sáng kiến - kinh nghiệm và tham gia những hoạt động có liên quan của nhà trường.
3. Kiến nghị các hình thức sử dụng công trình khoa học đã thẩm định, khen thưởng, kỷ luật tập thể, cá nhân trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Điều 10. Nhiệm vụ của thành viên trong Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Hội đồng.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công.
3. Thư ký Hội đồng chuẩn bị chương trình, kế hoạch, tài liệu, ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng; giữ mối liên hệ thường xuyên giữa các thành viên trong Hội đồng; phối hợp với các khoa, phòng có liên quan chuẩn bị điều kiện hoạt động của Hội đồng.
4. Các thành viên của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 11. Thời gian nhiệm kỳ và chế độ hội họp của Hội đồng

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học là 5 năm. Trong thời gian nhiệm kỳ, việc thay đổi, bổ sung ủy viên Hội đồng do hiệu trưởng quyết định.
2. Hội đồng họp định kỳ 06 tháng/lần và họp đột xuất khi cần thiết. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự.

Chương IV **XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, ĐỀ TÀI**

Điều 12. Xây dựng các đề án, đề tài

1. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh do trường đề xuất, xây dựng thuyết minh đề cương, làm thủ tục đăng ký với Sở khoa học và công nghệ và các cơ quan có liên quan.

2. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp khoa do khoa, phòng, cá nhân đề xuất, hiệu trưởng quyết định trong kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học hằng năm của nhà trường.

3. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học hiệu trưởng giao nhiệm vụ do ban giám hiệu đề xuất.

Điều 13. Kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường và Hội đồng khoa học do hiệu trưởng quyết định.

2. Việc sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp khoa theo quy định hiện hành của Nhà nước và nhà trường.

3. Việc sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 14. Nghiệm thu đề án, đề tài

1. Hội đồng nghiệm thu đề án, đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp khoa, Hội đồng nghiệm thu sáng kiến - kinh nghiệm do hiệu trưởng quyết định; việc nghiệm thu đề án, đề tài khoa học cấp tỉnh, bộ, cấp nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đề án, đề tài nghiên cứu khoa học nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên thì được thanh lý hợp đồng.

Chương V KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 15. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học thì được Hiệu trưởng xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng.

Điều 16. Kỷ luật

Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Hiệu trưởng có hình thức xử lý, kỷ luật thích hợp hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Hiệu trưởng trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, Hiệu trưởng có trách nhiệm báo cáo với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh để Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Thắng